

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA T  
TỈNH TÂY B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA T**

**- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Trần Văn Thạch

2/ Ông Bùi Dân An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 82/9, hẻm 28, đường Sân C, khu phố Sân C, phường Long T B, thị xã Hòa T, tỉnh Tây B.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Thế H - sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 88/19, hẻm 26, đường Sân C, khu phố Sân C, phường Long T B, thị xã Hòa T, tỉnh Tây B.

(Các đương sự vắng)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:* Chị và anh H chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long T B, thị xã Hòa T, tỉnh Tây B. Thời gian vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến, mỗi người có ý kiến riêng, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chúng tôi có 03 người con chung tên Dương Nhị B, sinh năm 2007, Dương An K, sinh năm 2009 Dương Thuần Ý sinh năm 2014, chị yêu cầu nuôi hết con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

Đối với anh Dương Thế H là bị đơn, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định, nhưng anh H không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T, cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, nên không có ý kiến.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao cho chị T nuôi con, anh H không phải cấp dưỡng, vì chị T không yêu cầu. Tài sản chung, chị T không yêu cầu, nợ chung khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết, chị T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị T là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đối với anh Dương Thế H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 227, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Dương Thế H chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 5 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Long T B (nay là phường Long T B), thị xã Hòa T, tỉnh Tây B, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung theo chị T đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Đối với anh Dương Thế H, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên tòa, nên không có ý kiến.

Theo chị T vợ chồng mâu thuẫn không hàn gắn được, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh H. Như vậy, giữa chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, một mình chị T làm nuôi các con, anh H không quan tâm đến chị T và các con. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Có 03 người con chung tên Dương Nhị B - sinh năm 2007, Dương An K - sinh năm 2009, Dương Thuần Ý - sinh năm 2014; hiện các cháu đang sống với chị T. Ý kiến chị T tiếp tục nuôi hết con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Qua hỏi nguyện vọng của các cháu, các cháu có nguyện vọng được sống với chị T, nên cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng các cháu là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng do chị T không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, về nợ chung; chị T khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu T án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 227, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Xin ly hôn” của chị Trịnh Thị T đối với anh Dương Thế H.

Chị Trịnh Thị T và anh Dương Thế H được ly hôn.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng ba con chung tên Dương Nhị B - sinh ngày 01/6/2007, Dương An K - sinh ngày 21/5/2009, Dương Thuần Ý - sinh ngày 20/10/2014.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

**3.** Tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, về nợ chung; chị T khai không nợ, nên không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ T án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009717 ngày 11/3/2021 Ca Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây B, chị T đã nộp đủ T án phí hôn nhân sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây B trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.